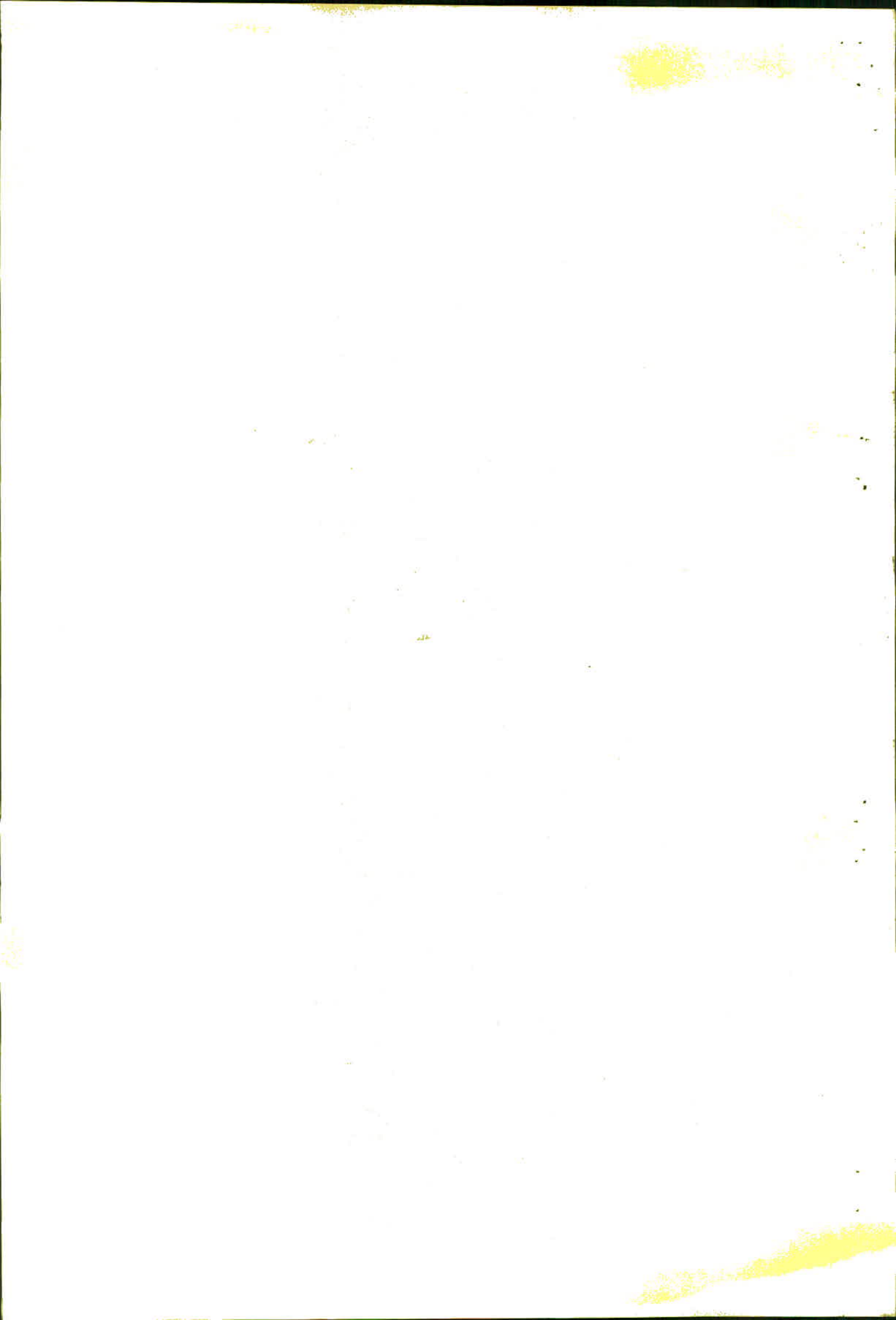


CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN
SỬA ĐỔI BỔ SUNG LẦN 5**

TP HỒ CHÍ MINH, NGÀY 08 THÁNG 09 NĂM 2016



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN

(SỬA ĐỔI BỔ SUNG LẦN 5)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Ê Đen sửa đổi bổ sung lần 4 năm 2010;
- Căn cứ vào nhu cầu hoạt động và quản trị của Công ty Cổ Ê Đen,

Chúng tôi, gồm có những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN cũng như các cổ đông sẽ tham gia sau này, cùng chấp thuận sửa đổi bổ sung lần 5 và cam kết thực hiện theo Bản Điều lệ sửa đổi bổ sung gồm các điều khoản như sau:

CHƯƠNG I ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Giải thích một số từ ngữ trong điều lệ:

1. Khái niệm “Công ty” trong Điều lệ này được hiểu là CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN.
2. “Cổ đông” là thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.
3. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông có đủ các điều kiện sau:
 - a) Tham gia thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động đầu tiên của Công ty.
 - b) Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp. (20% tổng số cổ phần phổ thông theo vốn điều lệ)
4. “Cổ phần” là các phần vốn có giá trị ngang nhau tạo thành vốn Điều lệ của Công ty.
5. “Cổ phiếu” là chứng chỉ góp vốn do Công ty phát hành hay bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.
6. “Trái phiếu” là hình thức nhận nợ của Công ty đối với chủ nợ do Công ty phát hành dưới hình thức chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ hoặc các hình thức khác theo quy định hiện hành của pháp luật, xác nhận nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của Công ty đối với người sở hữu trái phiếu.
7. “Cổ tức” là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty để trả cho mỗi cổ phần.
8. “Người có liên quan” trong bản Điều lệ này là những người có quan hệ với nhau trong các trường hợp dưới đây:
 - a) Doanh nghiệp mẹ và doanh nghiệp con;


1



- b) Người hoặc nhóm người chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp;
- c) Người quản lý doanh nghiệp;
- d) Nhóm người hòa thuận cùng phối hợp nắm giữ cổ phần để chi phối việc ra quyết định của Công ty;
- e) Vợ, chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của người quản lý doanh nghiệp hoặc thành viên Công ty, cổ đông có cổ phần chi phối.
9. “Vốn Điều lệ” là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ Công ty.
10. “Ngày thành lập Công ty” là ngày mà Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên.
11. “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của Công ty.
12. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

Điều 2: Hình thức pháp lý và phạm vi trách nhiệm:

1. Hình thức pháp lý:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN được thành lập và hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân độc lập và có trách nhiệm hữu hạn, tồn tại và hoạt động theo Pháp luật và theo Điều lệ này.

2. Phạm vi trách nhiệm:

Mỗi cổ đông sáng lập và các cổ đông trong Công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Điều 3: Tên Công ty:

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN
- Tên giao dịch đối ngoại : EDEN Joint Stock Company
- Tên viết tắt : EDEN JSC
- Biểu tượng :



(Handwritten signatures)

Điều 4: Trụ sở chính – Chi nhánh – Văn phòng đại diện:

1. Trụ sở chính của công ty:

- a) Địa chỉ: 94-96 Lê Lai, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- b) Điện thoại: (84-8) 3925 2299
- c) Fax: (84-8) 3925 2291
- d) Email: info@edenvn.com
- e) Website: www.edenvn.com

2. Chi nhánh:

Chi nhánh Công ty cổ phần Ê Đen tại Phú Quốc

3. Văn phòng đại diện (nếu có) trong nước và nước ngoài của Công ty cổ phần Ê Đen do Hội đồng quản trị quyết định.

Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty có thể thay đổi theo quyết định của Hội đồng Quản trị và sau khi đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh.

Điều 5: Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh:

1. Mục tiêu hoạt động:

Không ngừng mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh nhằm mang lại lợi nhuận ngày càng cao cho cổ đông, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động trong công ty, bảo đảm lợi ích cho cổ đông và đóng góp cho ngân sách nhà nước.

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý bán vé máy bay;
- Kinh doanh lưu trú du lịch, khách sạn, nhà hàng, karaoke;
- Đại lý thu đổi ngoại tệ, dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, kinh doanh vàng;
- Kinh doanh nhà, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng dân dụng và công nghiệp, sửa chữa nhà và trang trí nội ngoại thất; môi giới, kinh doanh bất động sản, dịch vụ quản lý chung cư, cao ốc;
- Dịch vụ nhà đất, sang lấp mặt bằng, lập dự án đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;
- Cho thuê nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, ki-ốt, trung tâm thương mại;
- Dịch vụ quảng cáo, tiếp thị, tư vấn đầu tư;
- Mua bán rượu, vải, hàng may sẵn, giày dép, túi xách, đồng hồ, kính mát, sản phẩm nhựa, gỗ, hàng kim khí

- điện máy, đồ điện gia dụng, lương thực thực phẩm, hóa chất, thiết bị máy móc và phụ tùng thay thế, vật liệu xây dựng, hạt giống, cây ươm, cây xanh, hoa, cây cảnh, phân bón;
- Trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả, các loại cỏ và cây khác; dịch vụ cung cấp giống cây trồng, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt;
- Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, ngành sản xuất công nghiệp;
- Đại lý bảo hiểm, môi giới thương mại, đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

Điều 6: Thời hạn và phạm vi hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty không bị hạn chế và tuân thủ theo đúng tinh thần của Luật Doanh nghiệp.

Công ty có thể chấm dứt hoạt động khi bị giải thể, phá sản hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Việc giải thể, phá sản Công ty được quy định tại Chương V của Điều lệ này và các quy định của pháp luật về giải thể, phá sản.

Công ty có phạm vi hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 7: Người đại diện theo pháp luật:

Tổng Giám Đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ này.

Công ty có thể có nhiều người đại diện theo pháp luật; Trong trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật, Đại hội đồng sẽ quyết định số lượng người đại diện theo Pháp luật bằng hình thức bỏ phiếu tại cuộc họp hoặc cho ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp này quyền và nghĩa vụ cụ thể của từng người đại diện theo pháp luật do Hội đồng quản trị quy định. Trường hợp không có quy định về quyền và nghĩa vụ riêng biệt thì quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật là ngang nhau.

Công ty đảm bảo luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật thường trú tại Việt Nam.

**CHƯƠNG II
VỐN ĐIỀU LỆ – VỐN KHÁC – CỔ ĐÔNG – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU**

Điều 8: Vốn Điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ:

1. Vốn điều lệ của Công ty: 69.182.300.000 VNĐ (Bằng chữ: Sáu mươi chín tỷ một trăm tám mươi hai triệu ba trăm ngàn đồng chẵn)
2. Số vốn này được chia thành: 6.918.230 cổ phần (Bằng chữ: Sáu triệu chín trăm mười tám ngàn hai trăm ba mươi cổ phần)
3. Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 VNĐ (Bằng chữ: Mười ngàn đồng)
4. Vốn điều lệ có thể tăng hoặc giảm do yêu cầu tình hình hoạt động của Công ty và do quyết định của Đại hội đồng cổ đông.



5. Vốn điều lệ có thể được góp bằng tiền Việt Nam, vàng, ngoại tệ tự do chuyển đổi, hiện vật, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết kỹ thuật và các tài sản khác. Vốn điều lệ được hạch toán theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là tiền đồng Việt Nam.
6. Vốn điều lệ có thể tăng hoặc giảm theo yêu cầu hoạt động của Công ty và do quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
7. Vốn điều lệ được sử dụng cho các hoạt động:
 - a) Mua sắm tài sản cố định và các hệ thống thiết bị, máy móc cần thiết cho hoạt động của Công ty đổi mới công nghệ.
 - b) Cung cấp vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - c) Góp vốn liên doanh, liên kết với các pháp nhân và thể nhân khác.
 - d) Mua cổ phiếu và trái phiếu khi xét thấy cần phải đầu tư vì lợi ích của Công ty.
8. Không được sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán tài sản của Công ty cho các cổ đông dưới mọi hình thức.

Điều 9: Các loại vốn khác:

1. Công ty được vay vốn của các ngân hàng, các tổ chức tín dụng và các hình thức huy động để sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ này.
2. Công ty có quyền phát hành các loại trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Điều lệ này theo quy định của pháp luật. Hội đồng Quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.
3. Công ty thừa nhận quyền chuyển nhượng, cầm cố và thừa kế của các chủ nợ sở hữu trái phiếu của công ty. Việc chuyển nhượng, cầm cố và thừa kế phải tuân theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 10: Định giá tài sản góp vốn:

1. Tài sản góp vốn nếu không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải được định giá.
2. Đối với tài sản góp vốn vào doanh nghiệp khi thành lập, thì Đại hội đồng cổ đông thành lập là người định giá các tài sản đó. Giá trị các tài sản góp vốn phải được thông qua theo nguyên tắc nhất trí.
3. Trong quá trình hoạt động, Hội đồng quản trị là người định giá tài sản góp vốn.
4. Trong quá trình định giá tài sản góp vốn, người định giá quy định tại Khoản 10.2 và 10.3 nêu trên phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác đối với giá trị tài sản góp vốn. Trường hợp giá trị tài sản góp vốn được định cao hơn so với giá trị thực tế của nó tại thời điểm góp vốn, thì người định giá và người góp vốn phải góp đủ số vốn như đã được định giá; nếu gây thiệt hại cho người khác thì phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường.



5. Trường hợp người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan chứng minh được tài sản góp vốn được định giá sai so với giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn, thì có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền buộc người định giá phải định giá lại hoặc chỉ định tổ chức giám định để giám định lại giá trị tài sản góp vốn.

Điều 11: Chuyển quyền sở hữu tài sản:

Sau khi hoàn tất các thủ tục góp vốn vào Công ty, các cổ đông phải chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho Công ty theo quy định sau đây:

1. Đối với tài sản có đăng ký hoặc giá trị quyền sử dụng đất, thì cổ đông phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho Công ty tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản ghi giá trị của tài sản có chữ ký của cổ đông và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
3. Cổ đông góp bằng tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng chỉ được coi là thanh toán xong khi quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản góp vốn đã chuyển sang Công ty.

Điều 12: Cổ phần

1. Công ty chỉ có một loại cổ phần duy nhất là cổ phần phổ thông ("cổ phần"), và người sở hữu loại cổ phần này là cổ đông phổ thông ("cổ đông"). Trong quá trình hoạt động kinh doanh, khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định có thêm loại cổ phần khác theo quy định của Luật doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Ngược lại cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Mỗi cổ phần đều mang lại cho chủ sở hữu của cổ phần các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 13: Cổ phiếu:

1. Chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty gọi là cổ phiếu. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên
2. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, trụ sở Công ty (ghi rõ tên được đăng ký theo giấy chứng nhận ĐKKD và ghi rõ địa chỉ nơi Công ty đặt trụ sở chính).
 - Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - Số lượng cổ phần và các loại cổ phần.
 - Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.
 - Tên cổ đông đối với cổ phiếu có ghi tên.



- Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.
- Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu Công ty.
- Sổ đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu ghi tên: là cổ phiếu có ghi tên chủ sở hữu trên tờ cổ phiếu và được chuyển nhượng có điều kiện. Loại cổ phiếu này được sử dụng cho các cổ phần:

- a) Cổ phần của Nhà nước do Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn đứng tên.
- b) Số cổ phần được mua với giá ưu đãi hoặc ưu đãi trả chậm.

Cổ phiếu không ghi tên: là cổ phiếu không ghi tên chủ sở hữu, được tự do mua bán chuyển nhượng, nhưng phải ghi vào Sổ đăng ký cổ đông.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 14: Cổ đông

1. Cổ đông là thể nhân phải có đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật dân sự.
2. Cổ đông là pháp nhân phải xác lập bằng văn bản một cách hợp pháp khi cử hay thay đổi người đại diện phần vốn góp tại Công ty.
3. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
 - b) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có văn bản ủy quyền có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.
 - c) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có văn bản ủy quyền có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.


7

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền.
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên hai mươi bốn giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập.

Điều 15: Mua bán cổ phần

1. Chuyển nhượng cổ phần

Tất cả cổ phần của công ty đều được tự do mua bán, cầm cố, thế chấp theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Cổ đông khi mua bán cổ phần phải đăng ký tại trụ sở chính của công ty hoặc một tổ chức khác được công ty ủy quyền quản lý cổ đông và có đóng phí theo quy định.

Việc mua bán cổ phần được lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải được bên bán và bên mua ký xác nhận. Trường hợp chỉ bán một số cổ phần trong tổng số cổ phần đang sở hữu, công ty sẽ ghi giảm trong Giấy chứng nhận cổ đông của bên bán và ghi tăng trong Giấy chứng nhận cổ đông của bên mua, nếu là cổ đông mới thì được cấp Giấy chứng nhận cổ đông mới.

Ngoại trừ các loại cổ phần sau đây bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này:

- Số cổ phần được mua với giá ưu đãi của người lao động tại thời điểm cổ phần hóa không được chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày mua.
 - Số cổ phần mua trả chậm của người lao động nghèo chỉ được chuyển nhượng sau 3 năm kể từ ngày mua và đã trả hết nợ cho Nhà nước.
 - Số cổ phần được mua với giá ưu đãi tại các đợt phát hành tăng vốn điều lệ.
2. Công ty được mua lại Cổ phần sau khi đáp ứng các điều kiện và hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định tại Điều 15 của Điều lệ này.

a. Mua lại Cổ phần theo yêu cầu Cổ đông:

Cổ đông biểu quyết phân đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng Cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

Công ty phải mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá tương đương giá thị trường trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì Cổ đông đó

có thể bán Cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

b. Mua lại Cổ phần theo quyết định của Công ty:

Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ Cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán bằng thặng dư vốn hoặc lợi nhuận chưa phân phối theo quy định sau đây:

Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần của từng loại đã được chào bán trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày chào bán. Trong trường hợp khác, việc mua lại Cổ phần do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại Cổ phần. Đối với Cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm (b) của Điều này. Đối với cổ phần loại khác, giá mua theo quyết định của Hội đồng Quản trị;

Công ty có thể mua lại Cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ Cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại Cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số Cổ phần và loại Cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán Cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại Cổ phần phải gửi chào bán Cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, hoặc số Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng thực thông tin cá nhân của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc; số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần sở hữu và số Cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông. Công ty chỉ mua lại Cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

c. Điều kiện thanh toán và xử lý Cổ phần được mua lại gồm:

Công ty chỉ được quyền thanh toán Cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo quy định tại Điều 12.2 và Điều 12.3 của Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số Cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 12.2 và Điều 12.3 của Điều này được coi là Cổ phần thu về và thuộc số Cổ phần được quyền chào bán. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm Vốn Điều lệ tương ứng tổng giá trị các mệnh giá các Cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại Cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu Cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi Cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

Sau khi thanh toán hết số Cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số Cổ phần mua lại.

Handwritten signatures and stamps are present at the bottom of the page. On the right side, there are two circular red stamps. The top one contains the text 'M.S.D. QU.' and the bottom one contains 'T.C.P. H.N.H. H.N.H.'. There are also several handwritten signatures in black ink.

Điều 16: Người thừa kế theo luật định của cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân:

- a) Trường hợp cá nhân qua đời hoặc do bản án đã có hiệu lực pháp luật tuyên bố là đã chết thì người thừa kế theo Luật định trở thành cổ đông của Công ty. Nếu người này không muốn trở thành cổ đông của Công ty thì Công ty sẽ được ưu tiên mua lại số cổ phần này theo giá thị trường.
- b) Trường hợp cá nhân bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, thì quyền và nghĩa vụ của cá nhân đó trong Công ty được thực hiện thông qua người giám hộ của cá nhân đó theo quy định của pháp luật.
- c) Công ty phải nộp giá trị cổ phần của cổ đông vào ngân sách Nhà nước trong trường hợp cổ đông là cá nhân qua đời, hoặc do bản án đã có hiệu lực pháp luật tuyên bố là đã chết hoặc đã mất tích mà không người kế thừa, hoặc người kế thừa khước từ di sản hay bị trừ tất quyền thừa kế.

2. Cổ đông là tổ chức:

Trong trường hợp tổ chức bị giải thể hoặc phá sản hoặc tổ chức lại (chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức) thì việc giải quyết số cổ phần của cổ đông này sẽ tuân theo quy định của pháp luật.

Điều 17: Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có quyền

- Tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điều 15 của điều lệ này; mỗi cổ phần có 1 phiếu biểu quyết.
- Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần của từng cổ đông trong Công ty.
- Khi công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ.
- Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong trường hợp cổ đông biểu quyết không đồng ý quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại điều này.
- Được đối xử công bằng, cụ thể: mỗi Cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau;
- Được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;
- Được bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình, cụ thể: trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, quyết định của Hội đồng Quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của Cổ đông theo quy định của pháp luật, Cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật; và

- Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.
- 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng (ngoài các quyền quy định tại khoản 1 Điều này) còn có quyền:
 - Ứng cử và đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo các tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điều lệ này.
 - Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi:
 - * Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - * Thời điểm kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.
 - Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
 - Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 18: Nghĩa vụ cổ đông

- Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Phải hoàn trả cho Công ty:
 - Số tiền hoặc tài sản khác đã nhận được từ việc Công ty thanh toán các cổ phần được mua lại theo quy định tại các điều 24 và 25 của điều lệ này nhưng việc thanh toán này trái với quy định tại khoản 1 điều 25 của điều lệ này.
 - Số cổ tức được chia không hợp pháp theo quy định tại khoản 1 điều 26 của điều lệ này
- Cổ đông là người lao động mua cổ phần trả chậm của Công ty phải thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần mua trả chậm.
- Tham dự và biểu quyết các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo các hình thức đã được quy định tại bản điều lệ này. Nếu không thực hiện nghĩa vụ này, cổ đông được xem như đã từ bỏ quyền lợi này và mọi sự khiếu nại sẽ không được chấp nhận.
- Không được rút vốn đã góp bằng Cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại Cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn Cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị Cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra nếu có.
- Trong thời gian xây dựng và phát triển Công ty, Công ty có thể phải vay vốn để phục vụ



cho đầu tư và kinh doanh, nếu các tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay khác yêu cầu các Cổ đông phải bảo lãnh khoản vay, các Cổ đông có trách nhiệm bảo lãnh các khoản vay đó theo tỷ lệ vốn góp của mình trong Vốn Điều lệ.

- Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các Cổ đông khác. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Điều 19: Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty lập và lưu trữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - Tên, trụ sở Công ty.
 - Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
 - Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
 - Ghi rõ số cổ phần hạn chế chuyển nhượng.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời cho công ty bằng văn bản để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 20: Chào bán cổ phần

1. Hội đồng Quản trị quyết định giá chào bán cổ phần mới phát hành và cổ phần ngân quỹ thuộc sở hữu của Công ty. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau:
 - Cổ phần chào bán lần đầu tiên sau khi đăng ký kinh doanh.
 - Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.
 - Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới và bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần còn lại tại thời điểm chào bán.
2. Cổ phần đã được bán hoặc cổ phần đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin theo quy định tại Điều 19 Bản Điều lệ này vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

Cổ đông chuyển nhượng cổ phần sau khi lập xong danh sách cổ đông và trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng đối với cổ phần đã chuyển nhượng nói trên sẽ có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; cổ đông phải báo ngay cho Công ty và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu và phải trả phí do Công ty quy định.

Công ty có thể bán cổ phần mà không có cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại Điều 19 Bản Điều lệ này phải được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong cổ phần Công ty.

4. Công ty chào bán cổ phần theo hình thức phát hành chứng khoán ra công chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Việc chào bán cổ phần, trái phiếu theo hình thức khác do Công ty quyết định và được thực hiện theo thỏa thuận giữa Công ty và người mua.
5. Cổ đông của Công ty được tự do, mua bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp cổ phần mà mình sở hữu trừ các trường hợp hạn chế sau đây:
 - a) Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị không được thực hiện các giao dịch nói trên trong suốt thời gian tại chức. Sau thời gian này, cổ đông có toàn quyền thực hiện các giao dịch nói trên.
 - b) Cổ đông là người lao động sở hữu số cổ phần được mua theo giá ưu đãi tại thời điểm cổ phần hóa chỉ được thực hiện các giao dịch nói trên sau 03 năm kể từ khi mua.
 - c) Cổ đông là người lao động mua cổ phần trả chậm của Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch nói trên sau 03 năm kể từ khi mua và đã trả hết nợ cho Nhà nước.
 - d) Cổ phiếu được mua với giá ưu đãi tại các đợt phát hành tăng vốn điều lệ.

Điều 21: Phát hành trái phiếu

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng Quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.

Điều 22: Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác nhưng phải được quy đổi thành đồng Việt Nam và thanh toán một (1) lần.

Điều 23: Các trường hợp cổ đông yêu cầu Công ty mua lại cổ phần

1. Cổ đông biểu quyết phân đối quyết định tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình.



Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề được đề cập tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 điều này với giá thị trường tại thời điểm mua hoặc giá được định theo nguyên tắc nhất trí trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá, thì các bên có quyền yêu cầu trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 24: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định sau đây:

1. Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác, thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại. Giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo.

Điều 25: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 23, 24 của Bản điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
2. Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 23, 24 của Bản điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.
3. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

Điều 26: Trả cổ tức

1. Công ty cổ phần chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản

khác quy định tại Điều lệ công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.

3. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.
4. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức là Công ty.

Điều 27: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Việc thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức xảy ra trong hai trường hợp:

- Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 25 của Bản Điều lệ này.
- Hoặc trả cổ tức trái với quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bản Điều lệ này.

Thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.

CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Điều 28: Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty gồm có:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Tổng giám đốc

Điều 29: Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có: Đại hội đồng cổ đông thành lập, Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Điều 30: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- Thông qua định hướng và chiến lược phát triển của công ty, quyết định tổ chức lại, giải thể công ty.
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết

định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.

- Bầu, miễn nhiệm, bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty.
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
- Thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty.
- Thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- Quyết định phân phối lợi nhuận hàng năm của Công ty.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Điều 31: Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp đặc biệt theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được cơ quan đăng ký kinh doanh cho phép, có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Báo cáo tài chính hằng năm;
- b) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của công ty.
- c) Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc;
- d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong những trường hợp sau đây:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Miễn nhiệm hoặc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu họp lệ theo quy định tại Khoản 3 này.
5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo khoản 4 Điều này thì Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong ba mươi (30) ngày tiếp theo.
6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo Khoản 5 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
7. Người triệu tập lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.
8. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.

Điều 32: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty và tiêu chuẩn số lượng cổ phần đang nắm giữ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33: Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 14 có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 34: Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty, tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp.
2. Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định.
3. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện.
4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
5. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
6. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

7. Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên hai mươi bốn giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 35: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có quyền trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp ủy quyền, thì người được ủy quyền phải xuất trình giấy ủy quyền và cổ phiếu cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội biết trước khi khai mạc. Cổ đông gửi phiếu biểu quyết có niêm phong đến Công ty trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông được coi là dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội tại thời điểm chốt danh sách theo thông báo của Hội đồng quản trị.
2. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất năm mươi một (51)% số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ hai, thì cuộc họp đó được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất ba mươi ba (33)% số cổ phần có quyền biểu quyết. Thời gian triệu tập cuộc họp lần thứ hai là ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp lần thứ nhất.
4. Trường hợp cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải triệu tập lần thứ ba, thì cuộc họp đó được triệu tập trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc và được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện.
5. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 34 Điều lệ này.

Điều 36: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
2. Chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo

nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

- b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Đại hội bầu Thư ký Đại hội không quá hai (02) người do chủ tọa giới thiệu để ghi lại biên bản Đại hội.
 - d) Đại hội bầu Ban kiểm phiếu không quá ba (03) người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 4. Chủ tọa và thư ký Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông dự họp;
 5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết tán thành, sau đó là thẻ biểu quyết không tán thành. Kết quả được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác.
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông.
 7. Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hay thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho Đại hội đồng cổ đông không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày Đại hội dự định khai mạc;
 - c) Ngoài ra, Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.
 8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 7 Điều 10 Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự



hợp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 37: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - b) Thông qua định hướng phát triển Công ty;
 - c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - g) Tổ chức lại, giải thể công ty;
3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, thì thực hiện theo quy định sau đây:
 - a) Các quyết định sau đây được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:
 - Quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại.
 - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
 - Quyết định tổ chức lại Công ty.
 - Quyết định giải thể Công ty.
 - Quyết định bán hơn ba mươi (30)% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán của Công ty.
 - b) Các quy định khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một (51)% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận.
4. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một (51)% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận.
5. Trường hợp thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì



Hội đồng quản trị phải thực hiện các công việc sau đây:

- Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến.
- Nội dung phiếu lấy ý kiến ít nhất phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, mục đích lấy ý kiến; vấn đề cần lấy ý kiến và đầu đề các tài liệu tương ứng được gửi kèm, thời hạn chờ đợi; phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty, phương án biểu quyết “nhất trí”, “không nhất trí”, “không có ý kiến”.
- Gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu; thông báo kết quả kiểm phiếu và các quyết định được thông qua đến tất cả cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.
- Phiếu lấy ý kiến của cổ đông đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, chính xác của biên bản kiểm phiếu. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp của Hội đồng cổ đông.

6. Việc biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức biểu quyết bằng phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số phiếu biểu quyết hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. Mỗi cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
7. Trước và trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử ứng cử viên biểu quyết bầu cho người do họ đề cử.
8. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội đồng cổ đông đề cử và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm. Nếu Đại hội đồng cổ đông không quy định khác thì số lượng mà các nhóm có quyền đề cử thực hiện như sau:
 - a) Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
 - b) Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
 - c) Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
 - d) Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
 - e) Cổ đông sở hữu từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa năm ứng cử viên.
9. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác

định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Điều 38: Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Quyết định chiến lược phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;
 - c) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - d) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - e) Quyết định phương án đầu tư.
 - f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.
 - g) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám Đốc và cán bộ quản lý quan trọng khác của Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của cán bộ quản lý đó.
 - h) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
 - i) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
 - j) Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 - k) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty, định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
 - m) Quyết định mua lại hoặc thu hồi và mức giá mua lại hoặc thu hồi không quá mười (10)% số cổ phần đã bán của từng loại.
 - n) Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

- o) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 - p) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại.
 - q) Quyết định lại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
 - r) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty
3. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng cách biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác thích hợp do hoàn cảnh và vấn đề cụ thể. Mỗi thành viên của Hội đồng Quản trị có 01 phiếu biểu quyết.

Điều 39: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị công ty có ít nhất 03 thành viên, nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 05 năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế và bảo đảm yêu cầu duy trì tối thiểu 1/3 số thành viên Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ trước đó.
2. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ.

Điều 40: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp; có năng lực quản lý doanh nghiệp, năng động trong hoạt động kinh doanh; có sức khỏe đảm bảo cho công việc; trung thực và liêm khiết.
2. Là cổ đông của Công ty được Hội đồng Quản trị giới thiệu hoặc cổ đông tự ứng cử, được đề cử; hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty được Hội đồng Quản trị giới thiệu và Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
3. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có 01 (một) phiếu bầu trong cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Điều 41: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong số thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ như sau:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa

cuộc họp Hội đồng Quản trị.

- c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không làm việc được và không có Phó Chủ tịch thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 42: Cuộc họp Hội đồng Quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có phiếu bầu cao nhất triệu tập.
2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hay bất thường. Hội đồng Quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại nơi khác.
3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Có đề nghị của Tổng Giám Đốc;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đề nghị quy định tại Khoản 4 điều này.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định.
7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc như các thành viên Hội đồng Quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng Quản trị được quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên trở lên tham dự, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì Quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Điều 43: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 40 Điều lệ này;
 - b) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng và trong thời gian này Hội đồng Quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phân quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Có đơn xin từ chức;
2. Ngoài các trường hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng Quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị mới thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn 03 (ba) người thì Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 44: Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
4. Tổng Giám đốc đồng thời được làm Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp khác.

Điều 45: Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị;
2. Tổ chức thực hiện các Quyết định của Hội đồng Quản trị;
3. Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và phông án đầu tư của Công ty;

4. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
6. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
7. Tuyển dụng lao động;
8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
9. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 46: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc công ty phải có đủ các điều kiện sau:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định pháp luật;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

Điều 47: Từ chức, cách chức Tổng Giám đốc

1. Khi Tổng Giám đốc muốn từ chức phải có đơn gửi Hội đồng Quản trị. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng Quản trị xem xét và quyết định;
2. Tổng Giám đốc bị cách chức theo quyết định của Hội đồng Quản trị;
3. Trường hợp chức danh Tổng Giám đốc bị khuyết, Hội đồng Quản trị phải tạm cử người thay thế. Trong thời hạn tối đa bốn mươi lăm (45) ngày, Hội đồng Quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

Điều 48: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

1. Công ty trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm, tiền lương cho thành viên Hội đồng Quản trị quản trị chuyên trách, tiền lương cho Tổng Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây:
 - a) Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên;
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và

chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

- c) Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng theo kết quả kinh doanh, mức lương, thưởng do Hội đồng Quản trị quyết định.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị nếu kiêm nhiệm một chức vụ điều hành nào của công ty sẽ được trả lương và phụ cấp tương ứng với chức vụ đó ngoài thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 49: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có nghĩa vụ sau đây:

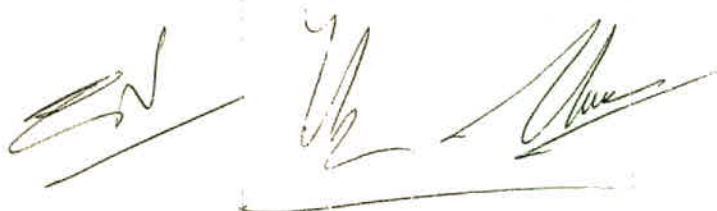
1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, miễn cưỡng vì lợi ích của Công ty theo đúng quy định pháp luật. Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác. Không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng Quản trị chấp thuận.
3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối.
4. Có trách nhiệm kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.
5. Không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 50: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị

Tất cả các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị phải được ghi đầy đủ và số biên bản và có các nội dung sau đây:

- Thời gian và địa điểm họp.
- Họ và tên thành viên tham dự.
- Chương trình họp.
- Các vấn đề thảo luận và biểu quyết, kết quả biểu quyết.
- Tóm tắt phát biểu ý kiến tại phiên họp.
- Các quyết định đã được Hội đồng Quản trị thông qua.
- Chữ ký ghi rõ họ tên của tất cả thành viên dự họp.

Chủ tọa và thư ký phiên họp liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng Quản trị.



Biên bản họp được làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 51: Công khai các lợi ích liên quan:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười (10)% vốn điều lệ;
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;
3. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:
 - a) Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;
 - c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;
 - d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

Điều 52: Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ

đồng hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:

- a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc;
 - c) Các trường hợp khác quy định tại Điều 51 Điều lệ này;
2. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
 3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
 4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng giao dịch đó.

Điều 53: Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát; Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
4. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát bị giảm: quá 1/3 so với số thành viên theo quy định tại Điều lệ này thì Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54: Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.



2. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
3. Không được là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột, của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và thủ quỹ của Công ty.

Điều 55: Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
3. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên mười (10)% tổng số cổ phần của Công ty.

Việc kiểm tra và thanh tra này không được cản trở hoạt động bình thường và không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

4. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
5. Thường xuyên thông báo với Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
6. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
9. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
10. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ nhiệm phải có đơn gửi đến Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

Điều 56: Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát

1. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
2. Triệu tập họp Ban kiểm soát.



3. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Chịu trách nhiệm chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
5. Ủy quyền cho một trong số thành viên Ban kiểm soát đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian mình vắng mặt.
6. Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ lập và ký các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát, trao đổi ý kiến với Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
7. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát phải có văn bản gửi đến Ban kiểm soát. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận văn bản từ nhiệm, Ban kiểm soát. Họp và xem xét quyết định.

Điều 57: Quyền được cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên công ty làm việc.
4. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 58: Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào kết quả công việc của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan.

Điều 59: Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;

2. Hoạt động vì lợi ích của Công ty; không được sử dụng thông tin, bí mật, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của cá nhân, công ty khác.
3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 60: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng Quản trị.
2. Thành viên Ban kiểm soát được miễn nhiệm, thay thế trong những trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này.
 - b) Vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty.
 - c) Không thực hiện nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - d) Có đơn xin từ chức.
3. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 2 điều này, thành viên Ban kiểm soát còn có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
4. Việc miễn nhiệm, thay thế thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

**CHƯƠNG IV
BÁO CÁO TÀI CHÍNH – PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN
– LƯU GIỮ TÀI LIỆU CÔNG TY**

Điều 61: Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1 Dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đến ngày 31/12 của năm đó.

Điều 62: Báo cáo tài chính

1. Sổ sách kế toán của Công ty đều mở đầy đủ và giữ đúng các quy định pháp luật hiện hành.
2. Cuối mỗi năm tài chính, Công ty lập một bản báo cáo tài chính bao gồm bản cân đối kế toán và bản quyết toán tài chính để trình cho các thành viên Hội đồng Quản trị xem xét ít nhất là mười lăm (15) ngày trước phiên họp toàn thể hàng năm. Báo cáo tài chính năm của Công ty phải được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán do Hội đồng Quản trị quyết định.
3. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty gửi báo cáo tài chính hàng năm đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

Điều 63: Phân phối lợi nhuận, lập quỹ và chia cổ tức

1. Điều kiện để chia lợi nhuận:

Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo luật định và ngay sau khi chia lợi nhuận Công ty vẫn có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đã đáo hạn.

2. Thu hồi lợi nhuận đã chia:

Trường hợp chia lợi nhuận cho cổ đông trái với Khoản 1 Điều 26 của Điều lệ này, thì tất cả các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản đã nhận hoặc phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về khoản nợ tương đương với lợi nhuận đã được chia tương ứng với phần vốn góp.

3. Việc trích lập các quỹ, mức giới hạn từng loại quỹ và chia cổ tức phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính: trích 10% lãi ròng cho đến khi quỹ này bằng 10% vốn điều lệ.
- Quỹ phát triển SXKD và quỹ phúc lợi, khen thưởng sẽ do Đại hội đồng cổ đông xem xét tùy theo kết quả kinh doanh, tình hình kế hoạch hàng năm mà quyết định phù hợp.
- Chia cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng.

Điều 64: Thu hồi phần vốn góp đã hoàn thành trả hoặc lợi nhuận đã chia

Trường hợp hoàn trả một phần vốn góp do giảm vốn điều lệ hoặc chia lợi nhuận cho cổ đông trái với quy định tại Khoản 1 Điều 26 của Bản điều lệ thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận hoặc phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về khoản nợ tương ứng với phần vốn đã giảm hoặc lợi nhuận đã chia tương ứng với phần vốn góp.

Điều 65: Cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm được thông báo đến tất cả các cổ đông.
3. Mọi tổ chức, cá nhân có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty cổ phần tại cơ quan đăng ký kinh doanh và phải trả phí.
4. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày có báo cáo tài chính năm được kiểm toán, Công ty phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm.
5. Ngày hoàn thành báo cáo tài chính năm được tính từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo kiểm toán. Thời hạn hoàn thành báo cáo tài chính năm chậm nhất là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
6. Nội dung công bố thông tin về báo cáo tài chính năm bao gồm: Bảng cân đối kế toán;

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Báo cáo tài chính năm, Báo cáo Thường niên của Công ty phải công bố trên website của Công ty và lưu trữ ít nhất mười (10) năm tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG V TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 66: Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty

Công ty thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 67: Giải thể và thanh lý tài sản của Công ty

1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

- Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà không có quyết định gia hạn.
- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục.
- Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Công ty thực hiện việc giải thể như sau:

- Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong doanh nghiệp, quyết định này phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của doanh nghiệp và đăng báo trong 03 số liên tiếp.

Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ, số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó, cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

- Thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ của Công ty:

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày thanh toán hết nợ của Công ty, tổ thanh lý được thành lập theo quy định của pháp luật phải gửi hồ sơ về giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Trường hợp Công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty phải giải thể trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trình tự và thủ tục giải thể thực hiện theo quy định tại Điều này.

CHƯƠNG VI CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG

Điều 68: Tuyển dụng

Việc tuyển dụng lao động và trả lương, thưởng được thực hiện theo hợp đồng lao động phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 69: Chế độ và quyền lợi của người lao động đang làm việc tại Công ty

1. Khi doanh nghiệp được cổ phần hóa để chuyển sang Công ty cổ phần, người lao động hiện đang làm việc cho Công ty theo chế độ hợp đồng lao động sẽ tiếp tục làm việc tại Công ty trên cơ sở kế thừa hợp đồng cũ và tiếp tục thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo luật định.
2. Đối với người lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì được giải quyết theo chế độ hiện hành.
3. Thỏa ước lao động tập thể

Trên cơ sở thương lượng tập thể và tự nguyện, Tổng Giám đốc Công ty và đại diện lao động Công ty sẽ ký một thỏa ước lao động hàng năm gồm những nội dung chủ yếu: thời gian lao động và nghỉ ngơi, điều kiện làm việc, bảo hộ lao động, bảo hiểm y tế, an toàn lao động, bảo hiểm xã hội, phúc lợi tập thể và giải quyết tranh chấp lao động, phù hợp với quy chế hiện hành của Bộ luật lao động.

CHƯƠNG VII HOẠT ĐỘNG CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI TRONG CÔNG TY

Điều 70: Nguyên tắc hoạt động

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập trong Công ty và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Điều 71: Các tổ chức chính trị và xã hội khác

1. Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty được thành lập và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật nước CHXHCN Việt Nam và các quy định của các tổ chức đó.
2. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức hoạt động trong phạm vi quyền hạn và khả năng của Công ty.

CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 72: Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty

1. Công ty lưu giữ các tài liệu sau đây:
 - Điều lệ Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ Công ty; sổ đăng ký cổ đông.



- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm.
 - Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty.
 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; các quyết định đã được thông qua.
 - Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (nếu có).
 - Báo cáo của Ban kiểm soát; kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.
 - Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.
 - Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty phải lưu giữ các loại tài liệu ở trụ sở chính hoặc một nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu giữ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 73: Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

1. Tranh chấp giữa các thành viên của Công ty trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải giữa các bên tranh chấp. Trong trường hợp các bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra tổ chức trọng tài hoặc tòa án giải quyết.
2. Tranh chấp giữa một thành viên và Công ty cũng được giải quyết tuân tực theo quy định tại Khoản 1 điều này. Trong trường hợp này Tổng Giám đốc Công ty sẽ là đại diện hợp pháp của Công ty trong quá trình tố tụng.

Điều 74: Hiệu lực của Điều lệ:

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua ngày 08 tháng 9 năm 2016.

Điều 75: Thể thức sửa đổi bổ sung các điều khoản của Điều lệ

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Bản Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.
2. Khi muốn bổ sung, sửa đổi nội dung Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông sẽ họp để thông qua quyết định nội dung thay đổi. Thể thức họp thông qua nội dung sửa đổi theo quy định tại Điều 34 của Bản Điều lệ này.
3. Mọi sự sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ phải đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 76: Điều khoản cuối cùng

Bản Điều lệ này đã được tập thể Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 xem xét và thông qua, từng điều và chấp thuận toàn văn. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng

Quản trị ký tên vào bản Điều lệ này.

Bản Điều lệ này gồm 08 chương, 76 Điều, được lập thành 04 bản có giá trị như nhau: 01 bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh, 03 bản lưu trữ tại trụ sở Công ty.

Mọi sự sao chép, trích lục phải được ký xác nhận của ít nhất là hai thành viên trong Hội đồng Quản trị, hoặc của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, hoặc của Tổng Giám đốc Công ty.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TẠ KIM HÙNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

NGUYỄN VÕ QUỲNH GIAO

PHAN THUỢNG VŨ

SAO Y NGUYÊN VĂN BẢN CHÍNH
NGÀY 19 THÁNG 4 NĂM 2017



NGUYỄN THỊ THANH TRÚC

TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ

C.P. ★ H.N.

